

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA**

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2026

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Bích Huyền

Ông Hồ Sỹ Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 349/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: **KP C, phường H, tỉnh Đồng Nai**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng N**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: **Lô E (Số G) T, phường N, tỉnh Khánh Hòa**. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Bà **Nguyễn Thị Phương T** và ông **Nguyễn Hoàng N** tự nguyện yêu thương và về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N (nay là Ủy ban nhân dân phường N), tỉnh Khánh Hòa vào ngày 05/5/2021. Quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, hòa thuận nhưng đến khoảng thời gian cuối năm 2023 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ vấn đề tiền bạc; ông **N** đam mê cá độ, bóng đá; mặc dù đã nhiều lần bà **T** khuyên nhủ, tìm cách giải quyết với mong muốn hàn gắn gia đình nhưng không thành; cuộc sống chung vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi. Từ tháng 7/2024, bà **T** đã về lại nhà cha mẹ để đẻ đẻ sinh sống, giữa bà **T** và

ông **N** không còn liên lạc với nhau cho đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Nguyễn Hoàng N** để trả tự do cho cả hai.

Về con chung: Bà **T** và ông **N** không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà **T** xác định không có tài sản chung và không có nợ chung với ông **N** nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập, cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông **Nguyễn Văn N1**, nhưng ông **N1** không đến Toà án để làm việc, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.*

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Phương T** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Nguyễn Hoàng N**. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ việc; nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Phương T** có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông **Nguyễn Hoàng N** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Phương T** đối với bị đơn ông **Nguyễn Hoàng N**. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không giải quyết. Về án phí: nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Phương T** phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo biên bản xác minh nơi cư trú tại Công an phường N thể hiện: ông Nguyễn Hoàng N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Lô E (địa chỉ mới G) T, phường V, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa. Bà Nguyễn Thị Phương T có yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn đối với ông Nguyễn Hoàng N. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Hoàng N nhưng ông N không đến Tòa án làm việc, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên được coi là từ bỏ quyền lợi của mình. Căn cứ Điều 91; Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Hoàng N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Hoàng N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N (nay là Ủy ban nhân dân phường N), tỉnh Khánh Hòa, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 47, ngày 05/5/2021 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Phương T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N vì cho rằng mâu thuẫn xảy ra do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tranh cãi về vấn đề tiền bạc; ông N đam mê cá độ, bóng đá, mặc dù đã được bà T khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông N vẫn không thay đổi. Bà T và ông N không còn chung sống với nhau, không liên lạc, quan tâm, yêu thương nhau từ năm 2024 cho đến nay; ông N cũng không nhắc đến chuyện hàn gắn gia đình với bà T nên tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông N không còn. Ông Nguyễn Hoàng N vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc mặc dù Tòa án đã nhiều lần liên hệ, triệu tập, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật để tạo điều kiện cho các bên có thể hòa giải với nhau nhưng vẫn không nhận được ý kiến phản hồi của ông N đối với yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn. Qua đó, cho thấy ông **N** có ý thức bỏ mặc, không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà **T**.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: tình cảm vợ chồng giữa bà **Nguyễn Thị Phương T** và ông **Nguyễn Hoàng N** đã trở nên trầm trọng, các bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mâu thuẫn hôn nhân không thể giải quyết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà **T** mong muốn ly hôn với ông **N** nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà **T** được ly hôn với ông **N** là phù hợp theo quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Bà **Nguyễn Thị Phương T** xác định bà và ông **Nguyễn Hoàng N** không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà **Nguyễn Thị Phương T** xác định không có tài sản chung và nợ chung với ông **Nguyễn Hoàng N** nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí*: Bà **Nguyễn Thị Phương T** phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 4 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp về ly hôn” của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Phương T**.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Phương T** được ly hôn với ông **Nguyễn Hoàng N**.

1.2. Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Phương T** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002683 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà **T** đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Phương T**, bị đơn ông **Nguyễn Hoàng N** vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 1 - Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường Nha Trang (Nơi ĐKKH, GCNKH số 47 ngày 05/5/2021);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Trang